

BÀN VỀ VẤN ĐỀ XÁC MINH TRONG CÔNG CHỨNG GIAO DỊCH - THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

NGUYỄN DUY THÁI
Học viện Tư pháp

Nhận bài ngày 12/6/2026. Sửa chữa xong 10/7/2026. Duyệt đăng 16/7/2026.

Abstract

Verification is an essential professional responsibility of notaries in ensuring the authenticity and legality of civil transactions. In notarial practice, verification has become increasingly important because of the growing prevalence of forged documents, fraudulent conduct in real estate transactions, and difficulties in determining legal capacity, personal identity, and the legal status of assets involved in transactions. Nevertheless, current verification practices remain subject to several limitations, including the absence of uniform regulations governing verification procedures and ineffective mechanisms for coordination and information sharing. Based on an analysis of relevant legal provisions, their practical implementation, and the experience of France, this article proposes measures to improve the legal framework by standardizing verification procedures, enhancing access to and utilization of databases, and strengthening coordination mechanisms in notarial practice. These measures are intended to improve legal certainty and safeguard civil transactions in the context of digital transformation.

Keywords: Civil act capacity, notarization, Notarization Law 2024, verification.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh các giao dịch dân sự, thương mại ngày càng đa dạng và phức tạp, vai trò của công chứng viên (CCV) ngày càng trở nên quan trọng trong việc bảo đảm an toàn pháp lý và ngăn ngừa tranh chấp đối với các giao dịch dân sự, nhất là đối với những giao dịch nhằm định đoạt quyền sở hữu, quyền sử dụng đối với động sản, bất động sản. Xác minh là một trong những nghiệp vụ sẽ giúp bảo đảm tính hợp pháp, tính xác thực của giao dịch nhằm tạo ra những văn bản công chứng có giá trị pháp lý cao và có giá trị chứng cứ. Việc xác minh không chỉ giúp CCV phát hiện những vấn đề tiềm ẩn đằng sau giao dịch mà còn phòng ngừa những rủi ro, tranh chấp, đảm bảo cho giao dịch được xác lập đúng pháp luật và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các bên liên quan. Trên thực tế, việc xác minh trong công chứng đang đảm nhiệm ba nhóm việc cơ bản, đó là làm rõ chủ thể tham gia giao dịch; kiểm tra, đối chiếu tình trạng pháp lý của đối tượng tham gia giao dịch và phòng ngừa, phát hiện các rủi ro phát sinh như giấy tờ giả, sai lệch thông tin hay gian lận có chủ đích. Từ góc độ lý luận và thực tiễn trên, nội dung bài viết này sẽ chỉ ra hai nhóm vấn đề cần được làm rõ, đó là “một số vấn đề chung về hoạt động xác minh trong công chứng giao dịch” và “thực tiễn hoạt động xác minh trong công chứng giao dịch”.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Một số vấn đề chung về hoạt động xác minh trong công chứng giao dịch

2.1.1. Khái niệm

Từ “xác minh” trong từ điển Tiếng Việt do tác giả Hoàng Phê chủ biên có nghĩa là việc “làm cho rõ sự thật qua thực tế và chứng cứ cụ thể” (Hoàng Phê, 2021). Trên cơ sở nghĩa chung của thuật ngữ “xác minh”, có thể hiểu xác minh trong công chứng là một hoạt động nghiệp vụ do CCV thực hiện nhằm thu

Email: nguyenduythai.189@gmail.com.

thập, kiểm tra, đối chiếu và đánh giá thông tin, tài liệu liên quan đến giao dịch dân sự để làm rõ tính xác thực và tính hợp pháp của hồ sơ yêu cầu công chứng trước khi thực hiện chứng nhận.

Hoạt động này tập trung vào việc xác định danh tính, năng lực hành vi dân sự của các bên tham gia giao dịch; tình trạng pháp lý của đối tượng giao dịch; đồng thời kiểm tra tính hợp pháp của nội dung, mục đích giao dịch và tính xác thực của các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ. Thông qua đó, CCV có thể phát hiện, ngăn ngừa các hành vi giả mạo, gian dối hoặc lợi dụng hoạt động công chứng để hợp thức hóa các giao dịch trái pháp luật.

2.1.2. Cơ sở pháp lý

Luật Công chứng năm 2024 đã dành một số điều khoản để ghi nhận trực tiếp hoặc gián tiếp thẩm quyền xác minh của CCV, qua đó hình thành một nền tảng pháp lý quan trọng cho hoạt động này.

Thứ nhất, khoản 4 Điều 42 Luật Công chứng 2024 quy định CCV được quyền tiến hành xác minh hoặc yêu cầu giám định khi hồ sơ công chứng có dấu hiệu chưa rõ ràng, khi người tham gia giao dịch có dấu hiệu bị đe dọa, cưỡng ép hoặc có nghi vấn về năng lực hành vi dân sự. Đây là một cơ chế pháp lý nhằm phòng ngừa các rủi ro tiềm ẩn, phản ánh đúng chức năng của công chứng như một “cơ chế phòng ngừa tranh chấp ngoài tố tụng”.

Thứ hai, đối với các giao dịch có mức độ nhạy cảm cao như lập di chúc (Điều 58) hoặc phân chia di sản thừa kế (Điều 59), Luật Công chứng 2024 đặt ra cơ chế kiểm soát chặt chẽ hơn. CCV có thể từ chối công chứng khi có căn cứ cho rằng người lập di chúc không minh mẫn hoặc bị tác động trái pháp luật. Đồng thời, họ có quyền chủ động tiến hành xác minh về nhân thân và tình trạng pháp lý của tài sản để bảo đảm sự thật khách quan. Quy định này không chỉ thể hiện sự thận trọng cần thiết đối với các giao dịch và hậu quả pháp lý kéo dài qua nhiều thế hệ mà còn cho thấy sự gắn bó mật thiết giữa hoạt động công chứng với các quy phạm cốt lõi của Bộ luật Dân sự năm 2015 về năng lực hành vi dân sự (Điều 19 đến Điều 24) và quyền định đoạt tài sản (Điều 192, 195).

Thứ ba, tại Điều 45 Luật Đất đai năm 2024 đã đặt ra điều kiện đối với các giao dịch liên quan đến quyền sử dụng đất như chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất; thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất; nhận chuyển nhượng, nhận tặng cho quyền sử dụng đất thì phải có giấy chứng nhận, trừ một số trường hợp tại điểm a khoản 1 Điều này, khoản 7 Điều 124 và điểm a khoản 4 Điều 127. Tương tự với quy định tại Điều 160 Luật Nhà ở năm 2023 về điều kiện của nhà ở khi tham gia các giao dịch mua bán, thuê mua, tặng cho, đổi, thế chấp, góp vốn bằng nhà ở thì phải có giấy chứng nhận quyền sở hữu, trừ các trường hợp tại khoản 2 Điều này. Việc yêu cầu các giao dịch này phải có giấy chứng nhận đặt ra yêu cầu CCV phải có trách nhiệm kiểm tra, xác minh trong trường hợp có căn cứ cho thấy giấy tờ, thông tin trên giấy chứng nhận chưa rõ ràng, có dấu hiệu giả mạo hoặc không thống nhất. Trên thực tế, đây là một loại giấy tờ rất hay bị các đối tượng làm giả nhằm chiếm đoạt tài sản, chính vì vậy CCV khi tiếp nhận những loại giấy tờ này cũng phải chủ động xác minh tính xác thực và tình trạng pháp lý của loại giấy tờ này nhằm xác định tư cách chủ thể tham gia giao dịch có quyền định đoạt hay không, qua đó góp phần phòng ngừa rủi ro sau này.

Thứ tư, Luật Công chứng 2024, tại Điều 5 về nguyên tắc hành nghề, khẳng định CCV phải tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, khách quan, trung thực, tuân thủ quy tắc đạo đức hành nghề và chịu trách nhiệm trước pháp luật. Các nguyên tắc này không chỉ mang tính định hướng chung mà còn là cơ sở chuẩn mực để đánh giá chất lượng của hoạt động xác minh: mọi quyết định về việc tiến hành hay không tiến hành xác minh đều phải xuất phát từ sự khách quan, không thiên lệch và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên tham gia giao dịch.

2.1.3. Ý nghĩa của hoạt động xác minh trong công chứng

Hoạt động xác minh có ý nghĩa quan trọng trong việc hỗ trợ CCV đánh giá đầy đủ các điều kiện của giao dịch trước khi thực hiện chứng nhận, qua đó hạn chế nguy cơ công chứng các giao dịch trái pháp luật hoặc trái đạo đức xã hội. Thông qua xác minh, CCV có cơ sở thực tiễn và pháp lý để quyết định công chứng hoặc từ chối công chứng phù hợp với trách nhiệm nghề nghiệp được giao.

Từ góc độ hành nghề, xác minh là công cụ bảo đảm an toàn pháp lý cho văn bản công chứng, góp phần phòng ngừa tranh chấp, khiếu kiện và hạn chế rủi ro trách nhiệm pháp lý đối với CCV. Đồng thời, hoạt động này còn nâng cao tính xác thực, giá trị chứng cứ và giá trị pháp lý của văn bản công chứng; ngăn chặn các hành vi giả mạo, gian dối trong giao dịch dân sự. Trong bối cảnh chuyển đổi số và sự phát triển của các phương thức giao dịch công nghệ cao, vai trò của xác minh càng trở nên quan trọng trong việc củng cố niềm tin xã hội đối với hoạt động công chứng và bảo đảm an toàn pháp lý cho các giao dịch.

2.2. Xác minh trong công chứng giao dịch - từ thực tiễn hoạt động đến giải pháp hoàn thiện

2.2.1. Thực tiễn hoạt động xác minh trong công chứng giao dịch

Trong thực tiễn hành nghề, hoạt động xác minh của CCV được thực hiện linh hoạt tùy thuộc vào từng loại giao dịch và các dấu hiệu phát sinh trong hồ sơ yêu cầu công chứng. Đây là nghiệp vụ quan trọng nhằm bảo đảm văn bản công chứng không chỉ đúng quy định pháp luật mà còn phản ánh đúng sự thật khách quan của giao dịch.

Đối với giao dịch lập di chúc, nhất là khi người lập di chúc cao tuổi hoặc có dấu hiệu suy giảm năng lực nhận thức, CCV phải trực tiếp đánh giá năng lực hành vi dân sự thông qua trao đổi, đặt câu hỏi và xem xét các tài liệu liên quan đến tình trạng sức khỏe khi cần thiết. Trường hợp có căn cứ nghi ngờ người lập di chúc không minh mẫn hoặc tài liệu cung cấp không bảo đảm độ tin cậy, CCV có quyền từ chối công chứng nhằm phòng ngừa tranh chấp phát sinh sau này.

Đối với những giao dịch có liên quan đến bất động sản như mua bán, tặng cho, cho thuê... thì xác minh về tính pháp lý và thực trạng của đối tượng, chủ thể tham gia giao dịch là những nội dung rất quan trọng. Bất động sản là loại tài sản có giá trị lớn, thường xuyên tiềm ẩn nguy cơ gian lận, cũng vì những tính chất quan trọng và giá trị lớn này mà những giao dịch bất động sản trở thành miếng mồi cho những kẻ lừa đảo và một trong những thủ đoạn phổ biến là sử dụng giấy tờ giả để nhằm chiếm đoạt tài sản. Điều 45 Luật Đất đai năm 2024¹ quy định đối với các giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất cần phải có Giấy chứng nhận quyền sử dụng tương ứng. Nhiều kẻ lừa đảo lợi dụng cung cấp cho người mua những giấy tờ giả mạo, từ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở đến các hợp đồng mua bán nhà ở... Những tài liệu này trông có vẻ hợp pháp, thậm chí có con dấu giả rất giống thật, khiến người yêu cầu công chứng hay kể cả CCV cũng khó phát hiện ra. Thực tiễn cho thấy đã xuất hiện nhiều trường hợp sử dụng giấy tờ giả để thực hiện các giao dịch bất động sản. Điển hình là vụ Nguyễn Quang Huy tại Hà Nội sử dụng giấy tờ giả để chuyển nhượng nhiều căn hộ, chiếm đoạt khoảng 10 tỷ đồng (Minh Đức, 2017). Vì vậy, CCV phải kiểm tra kỹ giấy tờ về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tình trạng pháp lý của tài sản. Nếu phát hiện dấu hiệu bất thường hoặc nghi ngờ về tính hợp pháp, CCV phải yêu cầu làm rõ hoặc phối hợp với các cơ quan quản lý dữ liệu bất động sản để xác minh tính thật, giả nếu có yêu cầu, thậm chí có “nghĩa vụ” từ chối công chứng khi không được giải trình thỏa đáng theo quy định pháp luật. Như vậy sẽ giúp phòng ngừa tranh chấp, bảo đảm an toàn cho giao dịch bất động sản, vốn là lĩnh vực dễ phát sinh rủi ro pháp lý nhất trong thực tiễn.

Một trong những nội dung cần được xác minh hay xảy ra trên thực tế trong hoạt động công chứng nữa đó là thông tin hộ tịch, chứng minh nhân thân và các mối quan hệ, nhất là các mối quan hệ qua nhiều đời khi thực hiện các thủ tục khai nhận di sản, phân chia di sản. Qua thực tế, trong các thủ tục khai nhận hoặc phân chia di sản, việc xác minh quan hệ nhân thân thường gặp khó khăn do thiếu hoặc thất lạc giấy tờ hộ tịch. Khi đó, CCV thường phải khai thác các nguồn thông tin thay thế như hồ sơ cư trú, xác nhận của chính quyền địa phương hoặc các hồ sơ lưu trữ khác. Tuy nhiên, do chưa có hướng dẫn thống nhất nên cách thức xử lý còn phụ thuộc nhiều vào kinh nghiệm của từng CCV hoặc hướng dẫn của từng địa phương dẫn đến sự khác biệt trong thực tiễn áp dụng và tiềm ẩn rủi ro pháp lý.

Từ những thực tiễn trên có thể thấy hoạt động xác minh trong công chứng giao dịch hiện nay được thực hiện thông qua ba phương thức: kiểm tra, đối chiếu hồ sơ và yêu cầu bổ sung, làm rõ thông tin; trực tiếp xác minh thực tế khi cần thiết và đề nghị cơ quan, tổ chức có liên quan cung cấp thông tin phục vụ

1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024.

cho việc công chứng. Mặc dù các phương thức này đã góp phần quan trọng trong việc phòng ngừa rủi ro pháp lý và bảo đảm an toàn cho giao dịch dân sự, song việc áp dụng còn thiếu tính thống nhất, phụ thuộc nhiều vào năng lực cá nhân và điều kiện tiếp cận thông tin của các tổ chức hành nghề công chứng.

Luật Công chứng năm 2024 đã khẳng định vai trò, thẩm quyền xác minh của CCV và mở rộng khả năng khai thác thông tin từ các cơ sở dữ liệu phục vụ công chứng. Tuy nhiên, pháp luật hiện hành vẫn chưa thiết lập quy trình xác minh thống nhất, chưa xác định rõ giá trị pháp lý của kết quả xác minh và chưa có cơ chế phối hợp bắt buộc với các cơ quan quản lý dữ liệu chuyên ngành. Điều này khiến hoạt động xác minh còn thiếu đồng bộ và tiềm ẩn rủi ro trách nhiệm pháp lý cho CCV.

Từ những hạn chế trên, việc triển khai hoạt động xác minh trong công chứng giao dịch vẫn đang gặp nhiều khó khăn, vướng mắc cần tiếp tục được nghiên cứu và hoàn thiện.

2.2.2. Những khó khăn khi triển khai hoạt động xác minh trong công chứng giao dịch

a. Chưa có quy định cụ thể về biện pháp, trình tự và thủ tục xác minh

Luật Công chứng năm 2024 tuy đã tiếp tục khẳng định vai trò của xác minh trong công chứng, song chưa có quy định cụ thể về nội dung, phạm vi, biện pháp và quy trình nghiệp vụ xác minh. Cụ thể, điểm d khoản 1 Điều 18 Luật Công chứng 2024 quy định CCV có quyền: “*Đề nghị cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu, được khai thác, sử dụng thông tin từ các cơ sở dữ liệu theo quy định của pháp luật để thực hiện việc công chứng*”. Tuy nhiên, quy định này mới dừng lại ở mức trao quyền chung, chưa hướng dẫn trình tự, thủ tục, hình thức và giá trị pháp lý của kết quả xác minh. Điều này dẫn đến tình trạng mỗi CCV, mỗi tổ chức hành nghề công chứng tự vận dụng và lựa chọn phương thức xác minh khác nhau, tùy thuộc vào kinh nghiệm hoặc khả năng tiếp cận thông tin, khiến tính thống nhất trong hành nghề không được bảo đảm.

Trong khi đó, trong lĩnh vực tố tụng dân sự, việc thu thập và đánh giá chứng cứ được quy định rất chặt chẽ về thủ tục, trình tự và giá trị pháp lý của tài liệu xác minh (Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Chương VII, Điều 91 - Điều 110). Ngược lại, đối với công chứng, nơi văn bản công chứng có giá trị chứng cứ và hiệu lực thi hành theo Điều 6 Luật Công chứng 2024, thậm chí không cần chứng minh lại những nội dung đã được công chứng thì việc thiếu quy trình chuẩn hóa về xác minh là một nghịch lý cần phải điều chỉnh, bổ sung.

b. Cơ chế phối hợp trong xác minh vẫn còn thiếu thống nhất và cơ sở dữ liệu chưa đồng bộ

Trong thực tiễn hành nghề, việc phối hợp và chia sẻ thông tin phục vụ xác minh giữa tổ chức hành nghề công chứng với các cơ quan quản lý nhà nước và cơ quan chuyên ngành vẫn còn nhiều hạn chế. Mặc dù cả Luật Công chứng năm 2014 trước đây và Luật Công chứng năm 2024 đã ghi nhận quyền của CCV trong việc đề nghị cung cấp thông tin và khai thác dữ liệu phục vụ công chứng, nhưng việc thực hiện trên thực tế chưa đạt hiệu quả như kỳ vọng. CCV vẫn gặp khó khăn trong việc tiếp cận, tra cứu và xác nhận thông tin về nhân thân, tình trạng pháp lý của tài sản hoặc lịch sử giao dịch do thiếu cơ chế vận hành thống nhất, quy trình truy cập rõ ràng và sự kết nối đồng bộ giữa các cơ sở dữ liệu. Nhiều trường hợp vẫn phải thực hiện thông qua văn bản đề nghị hoặc phụ thuộc vào sự hỗ trợ của cơ quan, tổ chức có liên quan; việc phản hồi thông tin còn chậm, không đồng đều, thậm chí bị từ chối do chưa có quy định cụ thể về trách nhiệm chia sẻ dữ liệu. Hệ quả là hoạt động xác minh vẫn chủ yếu dựa trên tài liệu do người yêu cầu công chứng cung cấp và nhận định nghề nghiệp của CCV, làm giảm hiệu quả kiểm chứng thông tin độc lập và tiềm ẩn rủi ro pháp lý đối với các giao dịch có giá trị lớn, phức tạp.

Trong bối cảnh chuyển đổi số và hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ chế phối hợp và chia sẻ thông tin không chỉ được quy định trong pháp luật về công chứng hay pháp luật đất đai mà còn được đề cập trong nhiều văn bản khác liên quan mang tính chỉ đạo, đường lối. Điển hình là việc triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, Bộ Tư pháp cũng đã ra Công văn số 6488/BTP-BTTP ngày 14/10/2025 về việc tạm dừng việc xây dựng Cơ sở dữ liệu công chứng tại địa phương để hướng tới xây dựng cơ sở dữ liệu về công chứng chung trên toàn quốc để thực hiện theo chỉ đạo tại Nghị quyết, song đến nay việc tổ chức

vận hành cơ sở dữ liệu này để phục vụ trực tiếp cho hoạt động công chứng vẫn chưa hoàn thiện. Việc thiếu một cơ chế khai thác dữ liệu thống nhất, rõ ràng và khả thi trong thực tiễn cho thấy đây vẫn là một điểm nghẽn lớn ảnh hưởng đến hiệu quả xác minh trong công chứng giao dịch, cần tiếp tục được hoàn thiện trong thời gian tới.

2.3. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật về xác minh trong hoạt động công chứng

2.3.1. Hoàn thiện quy định về quy trình xác minh trong công chứng giao dịch

Luật Công chứng năm 2024, tại điểm d khoản 1 Điều 18, cho phép CCV “*để nghị cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu, được khai thác, sử dụng thông tin từ các cơ sở dữ liệu theo quy định của pháp luật để thực hiện việc công chứng*”, tuy nhiên, quy định này mới dừng lại ở việc trao quyền mà chưa xác lập quy trình thống nhất để CCV tiến hành xác minh, cũng như chưa làm rõ giá trị pháp lý của kết quả xác minh trong hồ sơ công chứng. Từ thực tiễn quy định trên cho thấy việc hoàn thiện các quy định về pháp luật công chứng trong thời gian tới cần phải được tiếp cận theo hướng chuẩn hóa quy trình nghiệp vụ xác minh, thay vì chỉ dừng lại ở việc ghi nhận quyền chung cho CCV. Kinh nghiệm từ một số quốc gia đã có kinh nghiệm áp dụng công chứng điện tử như Cộng hòa Pháp cho thấy trong quá trình triển khai công chứng điện tử, pháp luật không thay đổi bản chất nghiệp vụ công chứng mà tập trung xác định rõ các bước nghiệp vụ cơ bản mà CCV cần phải tuân thủ khi thực hiện công chứng, bảo đảm tính thống nhất trong hành nghề và kiểm soát trách nhiệm nghề nghiệp của CCV.

Theo đó, liên hệ với Việt Nam trong bối cảnh hiện nay, tác giả kiến nghị cần nghiên cứu bổ sung các quy định mang tính hướng dẫn về hoạt động xác minh trong công chứng theo hướng xác lập một khung thủ tục về nghiệp vụ xác minh theo hướng như sau: xác định nội dung cần xác minh khi phát sinh nghi vấn; lựa chọn nguồn thông tin để xác minh; ghi nhận quá trình và kết quả xác minh trong hồ sơ công chứng và cách thức xử lý kết quả xác minh trong quyết định công chứng. Việc chuẩn hóa quy trình xác minh không nhằm hạn chế quyền chủ động của CCV mà nhằm bảo đảm tính thống nhất trong hành nghề, nâng cao trách nhiệm nghề nghiệp và giảm thiểu rủi ro pháp lý khi phát sinh tranh chấp liên quan đến giao dịch được công chứng.

2.3.2. Hoàn thiện cơ chế phối hợp và nâng cao hiệu quả khai thác cơ sở dữ liệu

Đối với những hạn chế về cơ chế phối hợp trong xác minh và cơ sở dữ liệu, trọng tâm hoàn thiện pháp luật hiện nay sẽ không nằm ở việc tiếp tục ghi nhận thêm quyền khai thác thông tin cho CCV mà ở việc tổ chức vận hành hiệu quả các cơ chế phối hợp và hệ thống cơ sở dữ liệu trong thực tiễn. Từ kinh nghiệm của Cộng hòa Pháp cho thấy, 95% văn bản công chứng hiện nay được lập và ký hoàn toàn trên nền tảng điện tử (Hiệp hội CCV Việt Nam & Hội đồng Công chứng Tối cao Pháp, 2025), được lưu trữ trong một cơ sở dữ liệu tập trung, bảo mật do hệ thống công chứng quản lý; quá trình chuyển đổi này được triển khai trong thời gian dài với nguyên tắc xuyên suốt là hình thức lưu trữ không làm thay đổi giá trị pháp lý của văn bản công chứng và không thay thế vai trò của CCV.

Từ kinh nghiệm đó, trong bối cảnh Việt Nam đang triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu công chứng thống nhất trên toàn quốc theo hướng chỉ đạo tại Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, tác giả kiến nghị cần phải hoàn thiện cơ chế vận hành và khai thác hệ thống này theo hướng coi đây là hạ tầng dữ liệu dùng chung và có thể phục vụ trực tiếp cho hoạt động xác minh. Cần phải có quy định rõ trách nhiệm phối hợp và cung cấp thông tin của các cơ quan quản lý dữ liệu chuyên ngành, phạm vi dữ liệu được chia sẻ cho CCV, phương thức truy cập và thời hạn phản hồi, đồng thời chuẩn hóa quy trình khai thác, lưu trữ và truy vết dữ liệu xác minh. Khi cơ chế phối hợp và cơ sở dữ liệu được vận hành đồng bộ, minh bạch và hiệu quả, hoạt động xác minh sẽ giảm sự phụ thuộc vào tài liệu do người yêu cầu công chứng cung cấp, qua đó nâng cao hiệu quả phòng ngừa rủi ro pháp lý và bảo đảm an toàn cho các giao dịch được công chứng.

Xem tiếp trang 352